Chương trình học 4 năm đại học Ngành Marketing Hệ chuyên ban Tân Hướng Nam năm học 2022 trường Tinh Ngô (áp dụng cho năm học 2022)

Môn học			Năm 1 (2022)				Năm 2 (2023)				Năm 3 (2024)				Năm 4 (2025)					Tín chỉ
			Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Môn học	Học kỳ 1		Học kỳ 2		
				Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học		Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học		Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học		Tín chỉ	Tiết học	Tín chỉ	Tiết học	
Môn học bắt buộc	Thường thức bắt buộc	Thường thức chung	Hoa ngữ (1)	2	4			Hoa ngữ (3)	2	2			Hoa ngữ (5)	2	2							
			Lịch sử và phong tục tập quán của Đài Loan	3	3			Thể dục (1)	2	2			Thể dục (3)	2	2							
			TOCFL (Phần nghe)	3	6			TOCFL (Phần đọc)	2	2			Thể dục (4)			2	2					
			Hoa ngữ (2)			2	2	Hoa ngữ (4)			2	2	Hoa ngữ (6)			2	2					
			Trải nghiệm văn hóa bản địa			2	2	Thể dục (2)			2	2										
								TOCFL (Phần nói)			2	2										
		Môn học khác																				
			Tổng tín chỉ	8	13	4	4	Tổng tín chỉ	6	6	6	6	Tổng tín chỉ	4	4	4	4	Tổng tín chỉ	0	0	0	0	32
	Chuyên ngành bắt buộc		Khẩu ngữ diễn đạt và giao tiếp	2	2			Thực hành quản lý phục vụ (1)	2	2			Thực hành trung tâm vận chuyển (1)	2	2			Luận lý nghề nghiệp và quản lý cảm xúc (1)	2	2			
			Phục vụ học tập và khám phá nghề nghiệp			2	2	○ Thực hành ứng dụng phần mềm thương nghiệp (1)	2	2			Thực hành kế hoạch vận chuyển (1)	2	2			Luận lý nghề nghiệp và quản lý cảm xúc (2)			2	2	
			Quản lý học	2	2			Tiếng anh chuyên ngành vận chuyển (1)	2	2			Thực hành trung tâm vận chuyển (2)			2	2	Hội thảo chuyên đề (1)	3	3			
			Thiết lập đoàn thể	2	2			Thực hành quản lý phục vụ (2)			2	2	Thực hành kế hoạch vận chuyển (2)			2	2	Hội thảo chuyên đề (2)			3	3	
			Quản lý Marketing			3	3	○ Thực hành ứng dụng phần mềm thương nghiệp (2)			2	2						Thực tập (1)	9	32			
			Quản lý lưu thông			3	3	Tiếng anh chuyên ngành vận chuyển (2)			2	2											
			Khái niệm thương mại điện tử			2	2																
			Tổng tín chỉ	6	6	10	10	Tổng tín chỉ	6	6	6	6	Tổng tín chỉ	4	4	4	4	Tổng tín chỉ	14	37	5	5	55
Môn tự chọn	Thường thức tự chọn																						
			Tổng tín chỉ	0	0	0	0	Tổng tín chỉ	0	0	0	0	Tổng tín chỉ	0	0	0	0	Tổng tín chỉ	0	0	0	0	0
	Chuyên ngành tự chọn		Quản lý tài nguyên nhân lực	2	2			Thực hành kỹ năng tiếp thị	2	2			○Thực hành thuyết trình	2	2			Thực tập (2)			9	32	
			Thái độ người tiêu dùng			2	2	Thực hành phân tích thị trường vận chuyển (1)	2	2			Thực hành quản lý vốn vận chuyển (1)	2	2			Thực hành quản lý chuỗi cung ứng(1)	2	2			
								Thực hành vận chuyển thương mại điện tử bán lẻ (1)	2	2			Thực hành quản lý kế hoạch và vận chuyển thông minh (1)	2	2			Thực hành quản lý hiệu suất(1)	2	2			
								Thực hành quản lý kho và hóa đơn vật liệu (1)	2	2			○Thực hành thiết kế tiệm bán hàng trực tuyến (1)	2	2			Thực hành quản lý chuỗi cung ứng(2)			2	2	
								○Vận hành kênh thương mại điện tử và thực hành tiếp thị trực tuyến			2	2	Thực hành quản lý và tiếp thị trang mạng lập nghiệp	2	2			Thực hành quản lý hiệu suất(2)			2	2	
								Thực hành vận chuyển thương mại điện tử bán lẻ (2)			2	2	Quản lý chăm sóc khách hàng	2	2								
								Thực hành quản lý kho và hóa đơn vật liệu (2)			2	2	○Thực hành bán Excel			2	2						
								Thực hành phân tích thị trường vận chuyển (2)			2	2	Thực hành quản lý vốn vận chuyển (2)			2	2						
													Thực hành quản lý kế hoạch và vận chuyển thông minh (2)			2	2						
													○Thực hành thiết kế tiệm bán hàng trực tuyến (2)			2	2						
													Phối hợp tiêu thụ sản phẩm với kênh mua bán trực tuyến ngoại tuyến			2	2						
													Hình tượng cá nhân và những phép tắc trong thương nghiệp			2	2						
			Tổng tín chỉ	2	2	2	2	Tổng tín chỉ	8	8	8	8	Tổng tín chỉ	12	12	12	12	Tổng tín chỉ	4	4	13	36	61
			Tổng	**16**	**21**	**16**	**16**	**Tổng**	**20**	**20**	**20**	**20**	**Tổng**	**20**	**20**	**20**	**20**	**Tổng**	**18**	**41**	**18**	**41**	**148**

Ghi chú

1. Bảng chương trình học này dựa trên quy định đại học và quy định trường thiết lập, và đã được hội nghị ủy viên chương trình học của trường thông qua.
2. Chương trình học này kế hoạch 4 năm, thường thức bắt buộc là 32 tín chỉ, chuyên ngành bắt buộc là 55 tín chỉ, tự chọn chuyên ngành ít nhất phải hoàn thành 41 tín chỉ, tín chỉ tốt nghiệp là 128 tín chỉ.
3. Những môn học ở học kỳ 1 và học kỳ 2, thành tích đều phải trên trung bình mới được liệt kê bảng tích luỹ tín chỉ tốt nghiệp.
4.Chương trình học tự chọn được liệt kê trong bảng, khoa ngành sẽ theo tình hình thực tế để quyết định mở lớp.
5.○ có nghĩ là sử dụng phòng máy tính.
6. Tín chỉ môn thường thức tự chọn không được tính trong tín chỉ tốt nghiệp.
7. Tín chỉ môn thường thức có thể tham khảo chương trình học của trung tâm thường thức.
8. Nếu sau tên môn học có ghi chú "院共同" có nghĩa là môn học cùng học viện.
9.Học sinh trước khi tốt nghiệp chưa thi đậu được bằng Tocfl B1 sẽ phải tham gia môn học tăng cường tiếng trung của trung tâm hoa ngữ.
10.Tín chỉ chương trình thực tập (1) và (2), tổng thời gian học là 18/64, thời gian thực tập thực tế sẽ dựa theo hợp đồng thực tập, và mỗi tuần học đều phải ghi rõ thời gian thực tập.

Chủ nhiệm khoa ngành

Viện trưởng

(ký tên)

000 năm 00 tháng 00 ngày